TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 683/2023/QĐST- HNGĐ	*Đ, ngày 28 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 658/2023/TLST/HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Lê Văn T** - Sinh ngày 01/01/1975;Trú tại: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, Thành Phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị N** - sinh ngày 01/02/1980; Trú tại: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, Thành Phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55,57,59,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07 (bảy)** ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông T, bà N có 03 con chung là Lê Quỳnh T, sinh ngày 20/08/2002; Lê Văn N, sinh ngày 14/04/2009 và Lê Quỳnh T, sinh ngày 25/03/2015. Khi ly hôn, con chung Lê Quỳnh T đã thành niên và không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng, nuôi dưỡng nên không xem xét giải quyết. Ông T trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Văn N, bà N trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Quỳnh T cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T, bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung vợ chồng: ông T, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

-Về án phí ly hôn sơ thẩm: 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng ông T tự nguyện chịu cả nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông T đã nộp theo biên lai thu số 0016810 ngày 15.11.2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Ông T được trả lại số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Thi hành án dân sự huyện Đ;
- UBND xã Đ, Đ
(Số ĐKKH: 74/2001).
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Trung Trực